



MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH

ĐỒ ÁN NỀN MÓNG

STT	Họ	Tên	ĐỀ SỐ	N ^u (T)	M ^u (Tm)	Q ^u (T)	L1(m)	L2(m)	L3(m)	ĐỊA CHẤT
01	Trần Minh	Hiếu	1-A	155	6.4	5.5	4.2	7.6	2.5	1
02	Đào Kim	Hoàng	1-B	140	6.1	5.3	4.4	7.2	2.6	2
03	Đặng Quốc	Hùng	1-C	130	5.8	3.5	4.6	7.6	2.4	3
04	Đỗ Phi	Hùng	1-D	125	5.4	5.5	4.8	7.8	2.3	1
05	Nguyễn Kiều	Hưng	2-A	140	7.5	4.5	5.0	8	2.7	2
06	Nguyễn Văn	Hưng	2-B	145	7.6	3.4	5.2	7.2	2.8	3
07	Đặng Ngọc	Khánh	2-C	150	6.4	3.3	5.4	7.6	2.9	1
08	Âu Dương	Khương	2-D	155	6.1	3.8	4.1	7.8	3.0	2
09	Nguyễn Văn	Mười	3-A	150	4	3.2	4.3	6.8	2.4	3
10	Nguyễn Hoàng	Nam	3-B	160	4.1	3.6	4.5	6.6	2.6	1
11	Võ Trịnh Hoài	Nam	3-C	145	4.7	3.5	4.7	6.4	2.8	2
12	Nguyễn Văn	Phú	3-D	130	4.3	3.3	4.9	6.2	2.2	3
13	Lâm Minh	Quang	4-A	125	5.5	5.5	5.1	7.6	2.4	1
14	Nguyễn Hoàng	Sơn	4-B	115	7.5	3.4	5.3	7.4	2.3	2
15	Nguyễn Tấn	Tài	4-C	140	7.6	3.8	5.5	7.8	3.0	3
16	Muộn Tấn	Thành	4-D	145	6.1	3.2	4.1	6.9	2.4	1
17	Nguyễn Hoài	Thân	5-A	145	5.8	3.6	4.3	6.8	2.2	2
18	Phạm Cao	Thế	5-B	140	7.5	3.5	4.5	6.6	2.6	3
19	Lê Thanh	Tiền	5-C	130	7.6	3.3	4.7	6.4	2.8	1
20	Dương Võ Hải	Triều	5-D	125	6.1	5.5	4.5	6.2	2.4	2
21	Phạm Thế	Trung	6-A	140	5.8	3.3	5.4	6.9	2.8	3
22	Quảng Đình	Trung	6-B	150	5.4	5.5	4.1	7.4	2.5	1
23	Lê Vũ	Duy	6-C	155	7.5	3.4	5.1	7.8	3.0	2
24	Trịnh Hải	Long	6-D	160	7.6	3.8	5.3	6.6	2.4	3
25	Nguyễn Hoàng	Ân	7-A	157	6.4	3.2	5.5	6.4	2.3	1
26	Huỳnh Thanh	Tùng	7-B	125	6.1	3.6	4.1	6.2	3.0	2
27	Lê Tấn	Tài	7-C	115	4	3.5	4.3	6.9	2.4	3
28	Lê Khánh	Văn	7-D	140	3.6	3.3	4.5	7.4	2.2	1
29		Khoa	1-A	145	5	5.5	4.4	7.9	2.6	2
30	Võ	Hà	1-B	180	4.8	3.4	4.6	8.2	2.5	3
31	Kiều Minh	Vũ	1-C	175	3.8	4	4.8	7.2	3.2	1
32	Lê Trường	Phát	1-D	169	5.8	3.4	4.7	7.6	3.0	2
33	Trương Ngọc	Hà	2-A	170	7.8	5.2	5	7.8	2.8	3
34	Bùi Nguyễn Đình	Thị	2-B	169	3.8	3.6	4.9	6.8	2.6	1
35	Phan Hoàng	Chiến	2-C	169	5.8	2.9	5.1	6.6	2.4	2
36	Trần Công	Điện	2-D	170	7.8	3.5	5.3	6.4	3.0	3
37	Nguyễn Ngọc	Đức	3-A	125	4	3.3	5.4	7.6	3.0	1
38	Phạm Chu	Thiện	3-B	140	4.1	3.8	4.1	7.4	2.4	2
39	Đình Hoàng Hùng	Anh	3-C	150	4.7	3.2	5.1	7.8	2.6	3
40	Lê Xuân	Văn	3-D	155	4.3	3.6	5.3	6.9	2.8	1
41			4-A	160	5.5	3.5	5.5	6.8	2.2	2
42			4-B	157	7.5	3.3	4.1	6.6	2.4	3
43			4-C	125	7.6	5.5	4.3	6.4	2.3	1
44			4-D	115	6.1	3.4	4.5	6.2	3.0	2
45			5-A	140	5.8	3.8	4.4	6.9	2.4	3
46			5-B	145	7.5	3.2	4.6	7.4	2.2	1
47			5-C	180	7.6	3.6	4.8	7.8	2.6	2
48			5-D	175	6.1	3.5	4.7	6.6	2.8	3

GHI CHÚ:

- Chiều của moment và chiều của lực ngang sinh viên tự chọn, vị trí lực tác dụng là mặt móng.
- Thuyết minh thể hiện trên khổ giấy A4, bản vẽ khổ A1.

Ngày 12 tháng 04 năm 2022